

Bước đầu tìm hiểu sự phân hóa giàu nghèo ở tỉnh miền núi Hòa Bình

ĐỖ THIÊN KÍNH

Phân hóa giàu nghèo là hiện tượng bình thường trong lịch sử. Nó thể hiện quy luật phát triển không đều của xã hội. Nông thôn miền núi phía bắc cũng nằm trong tình trạng như vậy. Trong bài viết này, chúng tôi muốn tìm hiểu sự phân hóa giữa hai nhóm hộ giàu - nghèo ở tỉnh Hòa Bình qua cuộc điều tra trong thời gian gần đây.^(*) Đồng thời cũng tham khảo thêm một số tỉnh miền núi khác. Do vậy, kết luận rút ra có thể bước đầu mạnh dạn mở rộng cho toàn vùng miền núi phía bắc.

Hòa Bình là tỉnh miền núi vùng cao. Diện tích tự nhiên khoảng 4600 km² (trong đó 10,6% diện tích trồng lúa). Dân số 700 nghìn người. Bình quân lương thực 202 kg/người/năm (thóc chiếm 141 kg). Trong khi đó bình quân cả nước là 320 kg. Sản lượng thóc hằng năm chiếm 0,5% so với cả nước⁽¹⁾. Từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, kinh tế hộ gia đình được phát triển và trở thành đơn vị sản xuất cơ bản, sự phân hóa về thu nhập giữa các hộ đã bắt đầu diễn ra ở Hòa Bình cũng như các địa phương khác trong cả nước.

I/ TỪ SỰ PHÂN TẦNG THU NHẬP...

Theo số liệu điều tra năm 1992 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Hòa Bình chỉ có 5,8% hộ giàu. Trong khi đó, con số trung bình của cả nước là 15% hộ giàu. Ở các tỉnh miền xuôi, số hộ giàu chiếm tỉ lệ rất cao: Tiền Giang 35%; Hà Bắc, Đồng Tháp, Nam Hà, Thanh Hóa có tỉ lệ từ 20 - 28 %.⁽²⁾ Trong cuộc điều tra một hộ được xác định là giàu khi mức thu nhập (V + m) tính bình quân một khẩu/ năm đạt 1 triệu đồng trở lên. Một hộ được xác định là nghèo nếu đạt mức thu nhập tính bình quân đầu người 13 kg gạo/ tháng. Đồng thời có tham khảo các tiêu chuẩn về nhà ở, tiện nghi sinh hoạt trong gia đình, vốn liếng và các điều kiện sản xuất khác... Căn cứ vào tiêu chuẩn này, chúng tôi cho rằng ở Hòa Bình áng chừng có khoảng 50% số hộ thuộc diện nhóm nghèo. Sở dĩ chúng tôi phải áng chừng, bởi vì Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm chưa đưa ra con số hộ nghèo ở Hòa Bình. Họ chỉ đưa ra con số chung trọng cả nước vào khoảng từ 10 - 30% hộ nghèo tùy theo vùng. Đồng thời cho biết thêm. Ở vùng nghèo thì tỷ lệ này còn cao hơn nữa, ở vùng giàu thì giảm đi.

^(*) Tất cả những số liệu trong bài viết này, chúng tôi đều lấy từ cuộc điều tra 1992 qua cuốn sách của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm - "*Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay*" Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội 1993, 326 trang và *ghi chú thích, sách đã dẫn...* (Những chỗ nào lấy số liệu từ nguồn khác, chúng tôi có chú thích riêng).

⁽¹⁾ Tổng cục thống kê - "*Niên giám thống kê 1992*" Nhà xuất bản thống kê 1993; biểu 1 (trang 6) và "*Số liệu thống kê nông lâm, ngư nghiệp Việt Nam (1976 - 1991) các vùng trọng điểm sản xuất hàng hóa*" Nhà xuất bản Thông kê 1992; biểu 16 (trang 31); biểu 20 (trang 38) biểu 32 (trang 32) và biểu 36 (trang 76).

⁽²⁾ Sách đã dẫn, trang 13 + 16.

Trong cuộc khảo sát điền của chúng tôi năm 1992 ở xã Cao Sơn (huyện Đà Bắc, Hòa Bình) cho thấy:

- + Khoảng 10 - 15% số hộ giàu (giàu ở đây là đủ ăn, nhưng vẫn phải ăn độn ngô sắn quanh năm).
- + Khoảng 60% số hộ trung bình (thiếu ăn 2 tháng/năm)
- + Khoảng còn lại 25 - 30% số hộ nghèo (đói ăn khoảng 3 - 4 tháng/năm và phải ăn cháo củ mài).

Cụ thể hơn, xóm Bai trong xã Cao Sơn có 34 hộ được phân loại như sau:

+ 4 hộ giàu (11,8%): trong đó chỉ có 1 hộ có khung nhà gỗ thợ theo kiểu dưới xuôi và lợp ngói ở trên (đó là nhà ông chủ nhiệm).

+ 20 hộ trung bình: thiếu ăn 2 tháng/năm (chiếm 58,8%).

+ 10 hộ nghèo nhất (29,4%): mỗi người chỉ có một bộ quần áo, không có trâu, bò, nhà cửa tuyền toàng, ăn cháo củ mài 2 tháng/năm.

Như vậy, so với mức thu nhập chung của cả nước, những loại hộ ở Cao Sơn đều lùi xuống tương ứng một bậc: hộ giàu xuống còn trung bình, hộ trung bình xuống nghèo... Như thế, số hộ nghèo sẽ cao hơn 50% ước đoán rất nhiều. Hòa Bình thuộc ba tỉnh vùng lòng hồ sông Đà (Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu) nghèo nhất trong cả nước: Các tỉnh khác ở miền núi phía Bắc số hộ nghèo đói cũng không ít. Xã Lang Quán (huyện Yên Sơn, Hà Tuyên) có khoảng 60% số hộ thiếu ăn từ 1 tháng trở lên⁽³⁾. Số hộ nghèo và rất nghèo chiếm đa số tới 2/3 ở miền núi⁽⁴⁾. Tác giả Trần Thanh Bình cũng cho rằng có tới 46% số hộ nghèo đói các tỉnh miền núi⁽⁵⁾. Theo Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, nghèo tương đối (tức là dưới mức thu nhập trung bình của địa phương) ở nông thôn MNPB là 56,26%.⁽⁶⁾ Số liệu điều tra thực tế một xã vùng cao Tân Dân (huyện Hoàn Bô, Quảng Ninh) bình quân thu nhập 1 khẩu/tháng của hộ là:⁽⁷⁾

Hộ loại	I (sung túc):	60.000 - 376.000đ	4,61%	9 hộ
-	II (khá):	40.000 - 60.000đ	11,79%	23 -
-	III (trung bình):	30.000 - 40.000đ	13,84%	27 -
-	IV (nghèo):	20.000 - 30.000đ	27,17%	53 -
-	V (đói):	10.000 - 20.000đ	42,56%	83 -

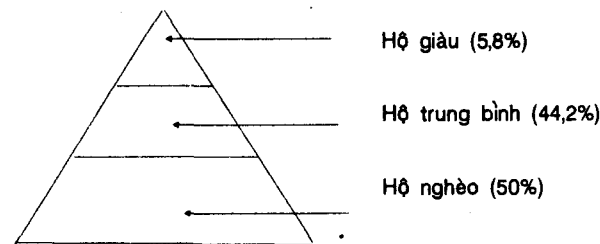
Tổng số hộ nghèo đói (mức IV + V) ở xã Tân Dân lên tới 69,7%. Như vậy con số ước đoán 50% nghèo đói ở Hòa Bình là chấp nhận được và ta có tỉ lệ các loại hộ như sau: Hộ giàu: 5,8%; Hộ trung bình 44,2%; Hộ nghèo 50%. Thể hiện điều trên qua sơ đồ phân tầng về thu nhập, ta có hình 1 như sau:

^{(3), (4)} Trần Thị Quế - Về những chính sách kinh tế - xã hội nhằm khắc phục tình trạng nghèo khổ ở miền núi phía Bắc. Tạp chí Xã hội học, số 1/1992, trang 44 - 49.

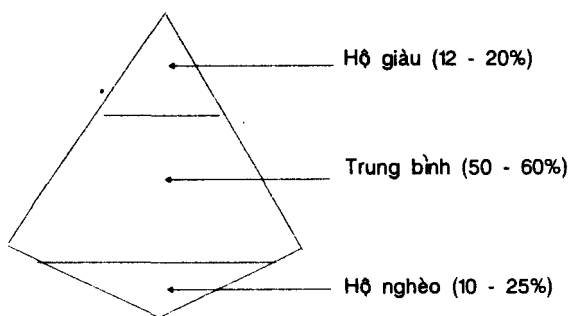
⁽⁵⁾ Trần Thanh Bình - Định hướng và giải pháp có thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Báo Nhân dân ngày 26 - 4 - 1993.

⁽⁶⁾ *Đói nghèo ở Việt Nam* - Một số kết quả nghiên cứu của Ngành Lao động - Thương binh và xã hội, Hà Nội 1993, trang 8.

⁽⁷⁾ Chương trình KX 04 - Viên dân tộc học - *Số liệu và thực trạng kinh tế xã hội của người Dao ở vùng cao*; Hà Nội 1993, biểu số 68, trang 67.

Hình 1 Tháp phân tầng về thu nhập ở tỉnh Hòa Bình

Sơ đồ trên là một hình tam giác với đa số dân chúng nghèo khổ ở dưới đây. Chỉ có số rất ít giàu có ở trên đỉnh. Trong khi đó, tháp phân tầng về thu nhập của cả nước có dạng hình thoi (hình 2). Số hộ nghèo và giàu ở hai đầu: số hộ nghèo ngày càng ít đi và ra nhập vào nhóm hộ trung bình (tạm gọi là tầng trung lưu). Số hộ giàu tăng lên. Tầng lớp trung lưu ở giữa và phình ra to nhất.

Hình 2 Tháp phân tầng về thu nhập trong cả nước (dựa theo nguồn số liệu của sách đã dẫn trang 42 + 43)

Đây là sơ đồ có dạng tương tự với sơ đồ của các nước phát triển, tiên tiến và ổn định trên thế giới (tất nhiên ở ta là trình độ thấp). Sơ đồ này thể hiện sự phát triển theo xu hướng hiện đại trên thế giới của nước ta. Với chương trình "xóa đói giảm nghèo", chúng ta cố gắng thu hẹp cực dưới và tăng nhóm hộ trung bình để xã hội được ổn định và phát triển.

Còn sơ đồ của tỉnh Hòa Bình (có thể mở rộng cho miền núi phía Bắc) là sơ đồ phân tầng kiểu cổ. Sự phát triển của các nước trên thế giới được thể hiện qua sơ đồ phân tầng về thu nhập là tiến từ hình 1 sang hình 2. Như vậy trình độ kinh tế của các tỉnh miền núi phía Bắc thấp hơn các ảnh dưới xuôi hẳn một hình thái. Từ đây, một điều có ý nghĩa được rút ra là chiến lược phát triển kinh tế ở miền núi phải khác hẳn với miền xuôi. Nếu ở dưới xuôi (gần như cả nước) thực hiện "xóa đói giảm nghèo" để phát triển nhóm hộ trung bình và tăng hộ giàu, thì ở miền núi nhiệm vụ cơ bản là đưa đại đa số dân chúng thoát khỏi cảnh nghèo đói. Sau đó, xã hội miền núi mới đi lên và bắt đầu có sự phân cực giàu nghèo như ở dưới xuôi hiện nay.

II/ ... ĐẾN SỰ PHÂN HÓA GIÀU NGHÈO Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC.

Xã hội miền núi còn phát triển ở trình độ thấp. Do vậy sự phân cực giàu nghèo ở đó cũng chưa rõ. Điều này được thể hiện qua hệ số chênh lệch giàu nghèo chưa lớn như ở dưới xuôi. Ta có thể minh họa điều này qua bảng sau:

Chênh lệch về tổng sản phẩm (C + V + m) giữa hai nhóm hộ giàu – nghèo ở 9 tỉnh trọng điểm và 8 tỉnh phụ điểm:

Tỉnh	Tổng sản phẩm hộ giàu (đ/năm)	Tổng sản phẩm hộ nghèo (đ/năm)	Chênh lệch (lần)
1. Hòa Bình	17.873.380	1.856.000	9,63
2. Hà Bắc	31.243.200	1.788.000	17,47
3. Nam Hà	31351.800	2.387.000	13,13
4. Thanh Hóa	38.678.120	1.852.000	20,88
5. Bình Định	33.550.300	2.287.000	14,67
6. Đắk Lắk	22.634.030	1.831.000	12,36
7. Đồng Nai	41.722.330	2.528.000	18,73
8. Tiền Giang	24.119.470	1.897.000	12,71
9. Đồng Tháp	53.966.180	2.824.000	19,11
<i>Trung bình 9 tỉnh</i>	<i>32.792.200</i>	<i>2.105.555</i>	<i>15,40</i>
1. Yên Bái	16.002.280	2.618.000	6,11
2. Hải Hưng	12.514.950	1.156.000	10,83
3. Hải Phòng	34.980.800	1.355.000	25,82
4. Quảng Nam - Đà Nẵng	50.828.430	1.565.000	32,50
5. Khánh Hòa	40.932.200	2.474.000	16,54
6. Sông Bé	22.054.200	1.552.000	14,21
7. Sóc Trăng	35.926.930	2.104.000	60,75
8. T.P. Hồ Chí Minh	127.818.450	2.104.000	60,75
<i>Trung bình 8 tỉnh</i>	<i>42.632.280</i>	<i>2.050.625</i>	<i>22,00</i>

Nguồn: Sách đã dẫn, biểu số 19 + 159 và biểu số 100 + 166 (Tác giả có chỉnh lý lại số liệu cho đúng và dự tính hệ số chênh lệch).

Chúng tôi muốn so sánh sự chênh lệch giữa hai nhóm hộ thông qua tổng sản phẩm. Bởi vì, tổng sản phẩm của từng hộ nó thể hiện "tiềm lực kinh tế của các nhóm hộ một cách đầy đủ chính xác và rõ ràng hơn thu nhập (V + m) và lại càng hơn cả bình quân thu nhập theo khẩu. Thu nhập chỉ là sản phẩm làm ra sau khi trừ chi phí sản xuất (C). Còn tổng sản phẩm thể hiện được có năng lực vốn và tài sản sinh lợi trong đó. Qua cơ cấu tổng sản phẩm người ta cũng biết rõ tiềm năng về C của nhóm hộ giàu khác hẳn nhóm hộ nghèo. Điều này không mâu thuẫn gì với việc chúng ta lấy chuẩn là thu nhập làm ranh giới để xác định hộ giàu - nghèo ở trên, bởi vì mỗi mức thu nhập đều có một tổng sản phẩm tương ứng. Nhưng để so sánh sự chênh lệch về sự giàu nghèo, thì nên căn cứ vào tổng sản phẩm. Vì nó như là toàn bộ "nền kinh tế" của mỗi hộ.

Với quan niệm như thế, nhìn vào bảng trên ta thấy: sự chênh lệch về giàu - nghèo giữa hai tỉnh miền núi Hòa Bình (9,6 lần) và Yên Bái (6,1 lần) là nhỏ hơn rất nhiều so với các tỉnh miền xuôi. Khoảng cách chênh lệch có xu hướng ngày càng lớn khi đi vào các tỉnh phía Nam, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh (60,7 lần). Điều này cũng phản ánh một thực tế là nền kinh tế hàng hóa ở các tỉnh phía Nam phát triển hơn nhiều các tỉnh phía Bắc và càng phát triển hơn các tỉnh miền núi. Trong khi đó ở các nước công nghiệp tiên tiến, khoảng cách chênh lệch giữa hai tầng lớp giàu - nghèo tới cả hàng nghìn lần. Ở họ có cả những nền văn hóa khác nhau của kẻ giàu và người nghèo.

Như vậy, sự phân hóa giàu nghèo ở miền núi còn nhỏ bé. Do đó sự phân tầng xã hội có thể nói hầu như chưa xuất hiện ở đây. Cả xã hội miền núi có thể hình dung như một tập hợp mà các phần tử của nó là các hộ gia đình còn tương đối thuần nhất và na ná như nhau. Một khi “cơ sở kinh tế” của các hộ gia đình chưa có sự khác biệt đáng kể, thì về mặt “kiến trúc thượng tầng” và cuộc sống văn hóa - tinh thần cũng chẳng khác nhau là mấy. Do đó tính cộng đồng làng bản sẽ còn rất mạnh. Ngay cả những làng xóm dưới xuôi thì tính cộng đồng vẫn còn mạnh. Bởi vì sự phân tầng xã hội cũng chỉ mới bắt đầu diễn ra ở khu vực nông thôn này. Ở nước ta, sự phát triển về kinh tế và hàng hóa, kéo theo nó là sự phân tầng về xã hội được biểu hiện rõ ở các trung tâm đô thị và thành phố. Ở nông thôn, thì đó là các vùng ven đô, ven đường giao thông, chợ búa... tóm lại là gần những nơi tụ điểm phát triển hàng hóa. Ở miền núi, thì hầu như còn phẳng lặng”. Một cách hình ảnh, nếu lấy đô thị làm tâm, thì sự phân tầng ở đó diễn ra mạnh nhất, càng lan tỏa ra xung quanh càng yếu dần và biến mất ở vùng miền núi. Để phát triển miền núi, nhất thiết phải tạo ra sự phân tầng xã hội lành mạnh trong khu vực này. Do đó, mới xuất hiện những nhóm hộ có năng lực kinh tế vượt trội để “kéo” những nhóm hộ khác. Phải tác động để sự phân hóa, phân tầng xã hội ở miền núi diễn ra. Nhận thức được điều này, chúng ta sẽ chủ động tương tác vào sự vật thay cho để chúng tự phát triển theo con đường tự nhiên nguyên thủy. Trên đây là một số tìm hiểu bước đầu về tình hình kinh tế - xã hội ở miền núi phía Bắc qua phân tầng thu nhập và phân hóa giàu nghèo ở tỉnh Hòa Bình, nhằm đưa sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi tiến kịp miền xuôi, góp phần vào sự phát triển chung của cả nước.